

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2019

Dự thảo

TỜ TRÌNH
Về dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 07/4/2014 “Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng”; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Chương trình công tác của Bộ Nội vụ năm 2019. Bộ Nội vụ trình Chính phủ dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

Luật Thi đua, Khen thưởng được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004. Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013. Sau 15 năm thực hiện, Luật đã và đang đi vào cuộc sống, được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thứ nhất, về công tác thi đua

- Luật xây dựng còn thiếu cần bổ sung một số danh hiệu thi đua, nhất là ở cấp cơ sở như: Cờ thi đua cấp tổng cục thuộc bộ và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; danh hiệu thi đua “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu”, trên thực tế các danh hiệu thi đua này đã và đang thực hiện có hiệu quả; việc tổ chức triển khai một số phong trào thi đua còn hình thức, chưa tạo được động lực thi đua từ cơ sở, từ quần chúng nhân dân; hiệu quả, tác dụng còn chưa cao, một số nơi phong trào thi đua chưa gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị; nội dung, tiêu chí xét tặng danh hiệu thi đua chưa cụ thể, chưa gắn với lợi ích của người lao động, việc công nhận danh hiệu thi đua còn dàn trải.

Thứ hai, về công tác khen thưởng

- Luật có đối tượng điều chỉnh rộng liên quan đến cả hệ thống chính trị nhưng điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể chủ yếu tập trung vào đội ngũ

cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; cán bộ lãnh đạo, quản lý; chưa bao quát đối tượng đông đảo người trực tiếp lao động, sản xuất trong cả nước (công nhân, nông dân, trí thức...). Các quy định về tiêu chuẩn còn chung chung định tính, phải điều chỉnh bằng nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn; do đó các văn bản quy phạm thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 đã có quy định điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp; nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện ở từng vùng miền, lĩnh vực khác nhau còn bất cập, vì vậy việc khen thưởng cho đối tượng này chưa được nhiều.

- Luật hiện hành quy định nhiều hình thức khen thưởng cấp nhà nước (hiện nước ta có 26 hình thức khen thưởng với 42 cấp độ khen thưởng). Thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước gồm (Huân chương 10 loại, Huy chương 04 loại, Danh hiệu vinh dự Nhà nước 08 loại và 02 loại giải thưởng). Thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành.... Trên thực tế từ khi thực hiện Luật đến nay tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực, số lượng khen thưởng tập trung chủ yếu vào khen niên hạn, khen quá trình cống hiến... Một số chủ trương chính sách của Đảng về thi đua, khen thưởng chưa được thể chế hoá.

Thứ ba, về thủ tục, hồ sơ khen thưởng

- Một số quy định về thủ tục, hồ sơ còn rườm rà, phức tạp chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính cụ thể: một số hồ sơ đề nghị khen thưởng phải làm từ dưới cơ sở qua nhiều cấp mới lên đến cấp bộ, cấp tỉnh để triển khai trình Thủ tướng Chính phủ.

- Luật chưa quy định cụ thể về quy trình thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân khi cấp trên phát hiện có thành tích đột xuất tiêu biểu xuất sắc.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục tiêu, quan điểm

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Luật nhằm thực hiện thuận lợi công tác thi đua, khen thưởng, tạo sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, của cả hệ thống chính trị để thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để công tác thi đua, khen thưởng thực sự là động lực to lớn góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng địa phương và đơn vị cơ sở.

Thứ hai, kế thừa ưu điểm của các quy định hiện hành, đồng thời đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, tăng thẩm quyền, quy định cụ thể việc phát hiện các điển hình tiên tiến tiêu biểu để khen thưởng và đề nghị khen thưởng đảm bảo kịp thời, chính xác công khai, minh bạch phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; hoàn thiện quy định của pháp luật để giải quyết được các vướng mắc chông chéo về đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng giữa các cấp, các ngành, quy trình thủ tục,

thẩm quyền khen thưởng và phong tặng các danh hiệu thi đua, góp phần cải cách hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng.

Thứ ba, tiếp tục triển khai Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng” và Thông báo kết luận của Ban Bí thư tại Công văn số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Yêu cầu

- Việc sửa đổi, bổ sung Luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

- Phân cấp mạnh về thẩm quyền việc khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các bộ, ngành, địa phương, mặt trận tổ quốc, đoàn thể và cấp cơ sở nhằm kịp thời khen thưởng động viên người lao động trực tiếp.

- Hệ thống hóa, điều chỉnh bổ sung một số quy định về danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho phù hợp với công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm cải cách thủ tục hành chính, minh bạch, công khai, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

1. Tổng kết, đánh giá 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng

Từ tháng 8/2017, Bộ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ động nghiên cứu, đánh giá tổng kết đánh giá 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng

Được sự đồng ý cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1873/QĐ-BNV ngày 26/5/2017, thành lập Ban Chỉ đạo và Quyết định số 1874/QĐ-BNV ngày 26/5/2017 ban hành Kế hoạch thực hiện gửi các bộ, ban, ngành, địa phương đề nghị tổng kết đánh giá 13 năm thực hiện Luật, kiến nghị, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao tác dụng, hiệu quả của Luật, góp phần động viên cán bộ, nhân dân khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đề ra. Đã có 81 bộ, ngành, địa phương (gồm 19 bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và 62 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) có báo cáo gửi về Bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ đã tiến hành tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá 13 năm trực tuyến trên toàn quốc do Phó Thủ tướng Trương trực Chính phủ Trương Hòa Bình chủ trì

Trên cơ sở ý kiến tổng kết của các Bộ, ngành, địa phương và tại hội nghị toàn quốc, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng. Báo cáo tổng kết 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng cũng đã được đăng trên website của Bộ Nội vụ để lấy ý kiến nhân dân.

2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi)

- Trong quá trình triển khai lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi), Bộ Nội vụ tiến hành rà soát các văn bản pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng; tổng kết, đánh giá 13 năm thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng; tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo để trao đổi, lấy ý kiến đóng góp của các đại biểu, các chuyên gia, các nhà khoa học để nghiên cứu xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi); lấy ý kiến tham gia đóng góp của các bộ, ban, ngành và địa phương trong cả nước (đã có 73 bộ, ngành, địa phương tham gia góp ý, ý kiến của nhân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương). Trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng, các ý kiến đóng góp của các bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi).

- Ngày 15/11/2018, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 5617/TTr-BNV trình Chính phủ hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi).

- Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 11/2018 cho ý kiến đối với một số nội dung trong đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 13/12/2018 và Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 01/01/2019 của Chính phủ). Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, phối hợp với các cơ quan liên quan Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp lập đề nghị Chính phủ về Chương trình xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi). Ngày 11/6/2019 Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội Khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 78/2019/QH14 về chương trình xây dựng Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa XIV.

3. Thành lập và hoạt động của Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập

Bộ Nội vụ đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: Quyết định số 177/QĐ-BNV ngày 06/3/2019 và Quyết định số 176/QĐ-BNV ngày 06/3/2019. Sau khi thành lập, Tổ Biên tập đã họp nhiều lần để thảo luận và trực tiếp soạn thảo thảo các nội dung trong dự thảo; Ban Soạn thảo đã họp để thảo luận, cho ý kiến chỉ đạo về các nội dung lớn của dự thảo.

3. Chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật

Đã chuẩn bị các tài liệu trong bộ Hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ gồm: Báo cáo tổng kết 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng, Báo cáo đánh giá tác động, Tờ trình Chính phủ, Dự thảo Luật, Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, Báo cáo thẩm định, Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định, Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và một số tài liệu tham khảo.

4. Về việc lấy ý kiến góp ý trong quá trình soạn thảo

- Ngày 02/7/2019, Bộ Nội vụ đã có Công văn gửi các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương xin ý kiến tham gia vào dự thảo dự án Luật.

- Từ tháng 4/2019 đến tháng 5/2019, Bộ đã làm việc với Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội để lấy ý kiến góp ý về những nội dung chính sửa đổi Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Đăng website để lấy ý kiến nhân dân, đối tượng tác động: dự thảo dự án Luật đã được đăng website, cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/7/2019, dự thảo dự án Luật và dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự án Luật đã được đăng lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Quốc hội và Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân.

Sau 2 tháng lấy ý kiến, dự thảo đã nhận được lượt văn bản góp ý của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và khoảng ý kiến góp ý trên website của Bộ. Qua tổng hợp ý kiến, dư luận quan tâm nhiều các nội dung về:

Lần 2: Tiếp thu ý kiến góp ý sau khi đăng dự thảo dự án Luật lên website lần 1, dự thảo dự án Luật tiếp tục được đăng website lần 2 từ tháng/2020.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) không có sự thay đổi về bố cục, kết cấu so với hiện hành, không có sự thay đổi về số chương, nhưng có sự thay đổi về số điều và nội dung của từng điều.

1.1. Trong tổng số 103 điều Luật hiện hành, dự thảo dự án Luật dự kiến bỏ tổng số 15 điều:

- Trong đó có 07 điều bỏ hoàn toàn, gồm:

+ Chương I: Bỏ Điều 11 quy định về quyền lợi của cá nhân, tập thể được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng. Vì nội dung trên được quy định tại Điều 85 dự thảo Luật quy định quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng và Điều 92 đã quy định về quỹ thi đua, khen thưởng.

+ Chương III: Bỏ Điều 32 quy định về tiêu chuẩn chung hình thức khen thưởng Huân chương. Vì các điều quy định về Huân chương trong dự thảo Luật đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn đối tượng đối với từng loại Huân chương.

+ Chương VI: Bỏ Điều 92 về quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Điều 93 về quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Vì Điều 91 dự thảo Luật đã quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước và thực hiện việc phân cấp quản lý đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp.

+ Chương VIII: Bỏ Điều 99 về quy định Nhà nước bảo hộ các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc truy tặng trước khi Luật này có hiệu lực. Vì quy định này không khả thi vì danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng không thuộc sản phẩm trí tuệ, Nhà nước không bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ.

- Bỏ Điều 100 Cá nhân, tập thể người Việt Nam ở trong nước, ở nước ngoài nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Lý do: Quy định trên hạn chế quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng.

- Bỏ Điều 101 quy định về khen thưởng kháng chiến và các hình thức khen thưởng khác, gồm:

+ Bỏ Khoản 1 Điều 101 quy định về khen thưởng kháng chiến. Lý do: Việc khen thưởng thành tích kháng chiến được thực hiện từ năm 1960 đối với chống Pháp và chống Mỹ bắt đầu từ năm 1983. Đến nay việc khen thưởng thành tích kháng chiến đã kết thúc.

+ Chuyển Khoản 2 Điều 101 quy định về khen thưởng các hình thức khác được vào Khoản 6 Điều 82 và bổ sung Khoản 7 vào Điều 82 về việc tổ chức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

- Có 09 điều bỏ do gộp các điều lại. Việc gộp các điều của Luật hiện hành nhằm giảm bớt các điều không còn phù hợp trong dự thảo Luật, nhằm đảm bảo nội dung của các điều được thống nhất, logic, phù hợp. Cụ thể như sau:

+ Gộp 03 điều (Điều 9, 12 và Điều 13) của Luật hiện hành điều quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, thành Điều 10 của dự thảo Luật quy định về Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (giảm 02 điều).

+ Gộp 02 điều (Điều 17 và Điều 18) của Luật hiện hành quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua và trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, thành Điều 15 của dự thảo Luật quy định về Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức phong trào thi đua (giảm 01 điều).

+ Gộp 02 điều (Điều 52 và Điều 53) của Luật hiện hành quy định chung về tiêu chuẩn Huy chương và các loại Huy chương, thành Điều 52 của dự thảo Luật quy định chung về Huy chương (giảm 01 điều)

+ Gộp 02 điều (Điều 70 và Điều 73) của Luật hiện hành thành Điều 71 của dự thảo Luật quy định về Bằng khen (giảm 01 điều)

+ Gộp 03 điều (Điều 74, 75 và Điều 76) của Luật hiện hành thành Điều 75 quy định về Giấy khen (giảm 02 điều)

+ Gộp 02 điều (Điều 84 và Điều 86) của Luật hiện hành thành Điều 83 quy định về Hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng (giảm 01 điều)

+ Gộp 02 điều (Điều 87 và Điều 88) của Luật hiện hành thành Điều 85 quy định về Quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng (giảm 01 điều).

1.2. Dự thảo dự án Luật thêm mới 07 điều, trong đó có 04 điều mới hoàn toàn và 03 điều mới do tách ra từ các điều của Luật TĐKT hiện hành

- Trong đó có 04 điều mới hoàn toàn, gồm:

+ Điều 25: Tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tổng cục thuộc bộ.

+ Điều 28: Tiêu chuẩn Danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu”.

+ Điều 50: Huân chương vì cộng đồng

+ Điều 74: Bằng khen cấp Tổng cục.

Việc quy định thêm các điều về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng xuất phát từ thực tiễn là một số danh hiệu thi đua không có trong quy định của Luật nhưng thực tế một số bộ, ngành, địa phương đã thực hiện và có hiệu quả tốt như danh hiệu xã, phường văn hóa, Cờ thi đua, Bằng khen cấp tổng cục...

- Có 03 điều mới do tách từ các điều của Luật hiện hành, gồm:

+ Điều 10 trong Luật hiện hành: Tách thành Điều 8 Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và Điều 9 Căn cứ xét khen thưởng (thêm 01 điều). Để đảm bảo rõ ràng quy định từng nội dung.

+ Điều 20 trong Luật hiện hành: Tách thành Điều 17 về danh hiệu thi đua đối với cá nhân và Điều 18 về danh hiệu thi đua đối với tập thể và hộ gia đình (thêm 01 điều). Để đảm bảo rõ ràng quy định từng nội dung.

+ Điều 69 trong Luật hiện hành: Tách thành Điều 69 Kỷ niệm chương và Điều 70 Huy hiệu (thêm 01 điều). Vì một Điều quy định 02 hình thức khen thưởng khác nhau là không phù hợp.

1.3. Như vậy, tổng số dự thảo dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) có 96 điều trong đó sửa đổi 64 điều, gồm:

Chương I: Tổng số 11 Điều (sửa 5 Điều: Điều 1,2,3,4 và Điều 8)

Chương II: Tổng số 20 Điều (sửa 10 Điều: Điều 13, 14, 18, 20, 21, 22, 25, 26, 27 và Điều 28), (trong đó có Điều 25 và Điều 28 mới hoàn toàn).

Chương III: Tổng số 43 Điều (sửa 34 điều: Điều 32,33,34, 35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,47,49,50,51,60,61,62,63,64,65,66,67,68,69 ,70,71,72,73,74), (trong đó có Điều 50 và Điều 74 mới hoàn toàn).

Chương IV: Tổng số 9 điều (sửa 6 điều: Điều 77, 78, 79,81, 82 và Điều 83)

Chương V: Tổng số 02 điều (sửa 02 điều: Điều 84 và Điều 85)

Chương VI: Tổng số 5 điều (sửa 03 điều: Điều 86,87 và Điều 88)

Chương VII: Tổng số 3 điều (sửa 03 điều: Điều 91,92,93 và 96)

Chương VIII: Tổng số 2 điều (giữ nguyên không sửa).

1.4. Kết cấu bố cục của dự thảo dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) như sau:

Chương I. Những quy định chung;

Chương II. Tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua;

Chương III. Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng;

Chương IV. Thẩm quyền quyết định trao tặng; thủ tục, hồ sơ, xét đề nghị danh hiệu thi đua và khen thưởng;

Chương V. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng;

Chương VI. Quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng;

Chương VII. Xử lý vi phạm;

Chương VIII. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nhóm nội dung liên quan đến việc sửa đổi những bất cập từ thực tiễn đối với hệ thống danh hiệu thi đua

Dự thảo tập trung vào việc sửa đổi các chủ đề lớn sau:

- Bổ sung danh hiệu Cờ thi đua cấp tổng cục thuộc bộ và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tiêu chuẩn cụ thể giao cho bộ, ngành quản lý quy định cụ thể.

- Bổ sung danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu”.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua theo hướng: Luật quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với 02 danh hiệu thi đua cấp nhà nước là “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; các danh hiệu thi đua cấp bộ, ngành, địa phương Luật chỉ quy định các nguyên tắc, tiêu chuẩn chung, trên cơ sở đó các bộ, ngành, địa phương quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn.

2.2. Nhóm nội dung liên quan đến việc sửa đổi những bất cập từ thực tiễn đối với hệ thống hình thức khen thưởng

Dự thảo tập trung vào việc sửa đổi các chủ đề lớn sau:

- Bổ sung hình thức “Huân chương Vì cộng đồng”, để tặng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội, từ thiện.

- Bổ sung hình thức bằng khen cấp tổng cục thuộc bộ và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tiêu chuẩn cụ thể giao cho bộ, ngành quản lý quy định cụ thể.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn cụ thể của mỗi hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho từng đối tượng là công nhân, nông dân, cán bộ công chức, Đại biểu Quốc hội chuyên trách.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn khen thưởng các loại huân chương, huy chương cho tập thể, cá nhân người nước ngoài.

2.3. Nhóm nội dung liên quan đến việc sửa đổi thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

Dự thảo tập trung vào việc sửa đổi các chủ đề lớn sau:

- Phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương; đồng thời giao bộ, ngành, địa phương căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định tiêu chuẩn cụ thể cho các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

- Bổ sung quy định về việc phân định rõ thẩm quyền khen thưởng theo chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành và chức năng quản lý nhà nước theo địa phương để tránh tình trạng khen thưởng chồng chéo, trùng lặp giữa quản lý ngành dọc và địa phương.

- Bổ sung quy định vai trò quản lý nhà nước về các hình thức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

2.4. Nhóm nội dung liên quan đến việc cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng

Dự thảo tập trung vào việc sửa đổi các chủ đề lớn sau:

- Về quy trình thực hiện: Bổ sung quy định về quy trình xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các đơn vị, cơ quan, bộ, ngành, địa phương thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua.

- Về số lượng hồ sơ: Giảm số lượng bộ hồ sơ theo quy định hiện hành còn 01 bộ hồ sơ trình đề nghị khen thưởng gửi Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương là cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng để thẩm định và lưu trữ.

- Về thành phần hồ sơ: Giảm bớt thành phần trong hồ sơ đề nghị khen thưởng của các doanh nghiệp, hồ sơ khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng đột xuất, cụ thể:

+ Giảm biên bản xét khen thưởng đối với khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại;

+ Đối với khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại, trong báo cáo chỉ tóm tắt thành tích, liệt kê quá trình công tác.

+ Đối với các doanh nghiệp trong báo cáo thành tích được thể hiện việc chấp hành thuế, môi trường, kiểm toán và các chế độ liên quan, giảm bớt việc phải có từng loại văn bản cụ thể.

- Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Giảm thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng, thời gian thông báo kết quả khen thưởng xuống 10 ngày làm việc đối với tất cả các cấp.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, đa số các ý kiến đóng góp nhất trí với nội dung sửa đổi của dự thảo dự án Luật. Tuy nhiên, những vấn đề sau còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ, cụ thể là:

1. Về việc phân cấp thẩm quyền cho bộ, ngành, địa phương quy định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương.

1. Về việc phân cấp cho bộ, ngành, địa phương quy định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương. Có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: Bộ, ngành, địa phương quy định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền để đảm bảo động viên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tích cực tham gia các phong trào thi đua do bộ, ngành, địa phương phát động.

Loại ý kiến thứ hai: Luật quy định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trong đó có cả các hình thức thuộc thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương), vì hệ thống các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo Luật hiện hành được sắp xếp theo hình chóp, nếu phân cấp để các bộ, ngành, địa phương quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo thẩm quyền sẽ dẫn tới việc khen thưởng không tạo sự thống nhất chung giữa các bộ ngành địa phương, vùng, miền, lĩnh vực.

Về vấn đề này, Bộ Nội vụ đề nghị sửa đổi theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương; đồng thời giao bộ, ngành, địa phương căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định tiêu chuẩn cụ thể cho các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

2. Về việc bổ sung hình thức “Huân chương Vì cộng đồng” để khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện. Có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: Đồng ý bổ sung hình thức khen thưởng “Huân chương vì cộng đồng” vào quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng để tặng cho các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện thay cho được tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng như hiện nay, như vậy có ý

nghĩa biểu dương tôn vinh đồng thời cũng không làm phát sinh thêm về số lượng huân chương khen thưởng hằng năm.

Loại ý kiến thứ hai: Đề nghị không bổ sung hình thức “Huân chương vì cộng đồng” vào quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng để tặng cho các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện. Vì như vậy sẽ làm tăng thêm hình thức khen thưởng, chưa phù hợp với chủ trương giảm bớt hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

Về nội dung này, Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất.

3. Về việc bổ sung hình thức “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” để tặng thưởng cho đối tượng là Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Theo Kết luận số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017 của Ban Bí thư). Có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: Đồng ý bổ sung hình thức khen thưởng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” vào quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng để tặng cho Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến (còn đối với Thanh niên xung phong có thành tích trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nếu có thành tích thì được tặng thưởng các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng). Hội Cựu Thanh niên xung phong có nguyện vọng thiết tha đề nghị Đảng, Nhà nước có một hình thức khen thưởng huy chương tặng riêng cho Thanh niên xung phong có thời gian phục vụ tại ngũ trong thời kỳ kháng chiến để ghi nhận và làm kỷ niệm (khen thưởng đồng loạt cho Thanh niên xung phong có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên, kể cả người đã hy sinh và tử trận trong thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc). Theo báo cáo của Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam thì hiện nay còn khoảng trên 500.000 Cựu thanh niên xung phong.

- Loại ý kiến thứ hai: Đề nghị không bổ sung hình thức “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” để tặng thưởng cho đối tượng là Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vào quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng. Vì các cá nhân là Thanh niên xung phong có thời gian tham gia kháng chiến, phục vụ kháng chiến nếu đủ điều kiện theo quy định đã được khen thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo Điều lệ khen thưởng kháng chiến. Trường hợp chưa đủ điều kiện tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, thì căn cứ theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ đã được tặng Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh. Do vậy, về cơ bản các Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến đã được Đảng, Nhà nước khen thưởng theo quy định.

Nay nêu theo đề nghị của Hội Cựu Thanh niên xung phong bổ sung hình thức khen thưởng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” vào Luật Thi

đua, Khen thưởng để khen thưởng đồng loạt một hạng cho Thanh niên xung phong có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên, kể cả người đã hy sinh và tử trận trong thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ tổ quốc (trong đó có các đối tượng đã được khen thưởng trước đó), dẫn đến việc khen trùng thành tích. Mặt khác, nếu bổ sung hình thức “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” để tặng cho đối tượng là Thanh niên xung phong, thì còn các đối tượng khác cũng tham gia kháng chiến (dân công hỏa tuyến, thanh niên, phụ nữ, dân vận, mặt trận, các đơn vị, tổ chức tham gia thời kỳ kháng chiến...) cũng sẽ đề nghị một hình thức khen thưởng cho riêng lực lượng của mình. Đồng thời bổ sung hình thức khen thưởng này để tặng cho Thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến thì sau khi giải quyết khen thưởng xong sẽ không còn đối tượng để khen thưởng, vì vậy nếu bổ sung vào luật thì nội dung này sẽ không được áp dụng lâu dài.

Vì vậy, đề nghị không bổ sung hình thức khen thưởng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” vào Luật Khi đua, khen thưởng mà đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết cá biệt để giải quyết vấn đề này.

Về nội dung này, Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ hai.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi), Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo dự án Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi; (2) Báo cáo đánh giá tác động; (3) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (4) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (5) Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý các bộ, ngành, địa phương; (6) Báo cáo tổng kết 13 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng).

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ TP;
- Lưu VT, Ban TĐKTTW (10).

Lê Vĩnh Tân

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2021/QH14

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

LUẬT

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 64/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6;

Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi đã được thông qua tại kỳ họp thứ ngày tháng năm 2020 và kỳ họp thứ ngày tháng 5 năm 2021 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa XIV).

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng và quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tập thể, cá nhân sau:

1. Công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài.
2. Gia đình người Việt Nam, gia đình người nước ngoài.
3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội của Việt Nam.
4. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.
5. Cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thi đua* là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. *Danh hiệu thi đua* là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

3. *Khen thưởng* là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. *Bộ, ngành, tỉnh*: viết tắt của cụm từ “bộ, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Điều 4. Các loại hình khen thưởng

Quy định cụ thể từng loại hình khen thưởng, gồm:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

2. Khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động trong thời gian cụ thể;

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất;

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc;

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định;

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a) Kịp thời, chính xác, công khai, công bằng;;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
 - d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.
3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Các danh hiệu thi đua

- 1. Danh hiệu thi đua gồm:
 - a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân;
 - b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể;
 - c) Danh hiệu thi đua đối với gia đình.
- 2. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm.

Điều 7. Các hình thức khen thưởng

Các hình thức khen thưởng gồm:

- 1. Huân chương;
- 2. Huy chương;
- 3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;
- 4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;
- 5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;
- 6. Bằng khen;
- 7. Giấy khen.

Điều 8. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

- 1. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.
- 2. Đăng ký tham gia thi đua;
- 3. Kết quả phong trào thi đua

Điều 9. Căn cứ xét khen thưởng

- 1. Tiêu chuẩn khen thưởng;
- 2. Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;
- 3. Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

- 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.
- 2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:
 - a) Tuyên truyền, động viên các thành viên của mình và tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua,

khen thưởng;

b) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, khen thưởng

Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;

2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II.

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 12. Mục tiêu thi đua

Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 13. Hình thức, phạm vi thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên;

b) Thi đua theo đợt;

c) Thi đua theo chuyên đề.

2. Phạm vi thi đua gồm:

a) Toàn quốc;

b) Bộ, ngành, tỉnh;

c) Cụm, Khối.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và biện pháp tổ chức phong trào thi đua;
2. Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua;
3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua;
4. Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến;
5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức phong trào thi đua

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức phong trào thi đua gắn với lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu;
 - b) Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm động viên, khích lệ mọi người tự giác, hăng hái thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, cần kiệm, sáng tạo, cống hiến sức lực, trí tuệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - c) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, sơ kết, tổng kết công tác thi đua;
 - d) Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;
 - đ) Thực hiện tốt chính sách khen thưởng nhằm động viên mọi người tích cực thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu.
2. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm:
 - a) Tham mưu, đề xuất chủ trương trong công tác thi đua.
 - b) Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua.
 - c) Hướng dẫn tổ chức thi đua và kiểm tra thực hiện.
 - d) Tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 16. Thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cả nước.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; lãnh đạo ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành và lĩnh vực do mình phụ trách.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

4. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 17. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh;
- c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 18. Danh hiệu thi đua đối với tập thể và hộ gia đình

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
 - b) Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh;
 - c) Cờ thi đua cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;
 - d) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;
 - đ) Danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu” (**Phương án 1**).
 - đ) Danh hiệu “Xã văn hóa”, “Phường, thị trấn văn hóa” (**Phương án 2**).
 - e) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;
 - g) Danh hiệu thi đua đối với thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương là thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu (**Phương án 1**).
 - g) Danh hiệu thi đua đối với thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương là thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa (**Phương án 2**).
2. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình tiêu biểu” (**Phương án 1**).
2. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa” (**Phương án 2**).

Điều 19. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh.

Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đối với Lực lượng vũ trang phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho người

đứng đầu bộ, ngành, tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 20. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh

Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, đề làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đối với Lực lượng vũ trang phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu bộ, ngành, tỉnh xem xét, công nhận. Việc công nhận mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 21. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ
2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Điều 22. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 23. Tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh.

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết 5 năm.

Điều 24. Tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh

1. Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, được xét tặng cho tập thể là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do bộ, ngành, tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ngành, tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. “Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do người đứng đầu bộ, ngành, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 3 năm.

Điều 25. Tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Tiêu chuẩn Cờ Thi đua cấp tổng cục và tương đương do các bộ, ngành quy định. Cờ thi đua của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh do 02 Đại học Quốc gia quy định. Cờ thi đua của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước do bộ, ngành chủ quản quy định.

Điều 26. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này phải có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

Điều 27. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này phải có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 28. Tiêu chuẩn danh hiệu “Gia đình tiêu biểu” (hoặc tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”)

1. Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;

2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Điều 29. Tiêu chuẩn danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu (hoặc tiêu chuẩn danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa)

1. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng;
2. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
3. Kinh tế ổn định và từng bước phát triển;
4. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;
5. Môi trường cảnh quan sạch đẹp.

Điều 30. Tiêu chuẩn danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu” (hoặc Tiêu chuẩn danh hiệu “Xã văn hóa”, “Phường, thị trấn văn hóa”)

1. Danh hiệu “Xã tiêu biểu” để tặng cho các xã trong cả nước đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình tiêu biểu, thôn, làng, ấp, bản tiêu biểu và tương đương (có 60% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình tiêu biểu” 03 năm liên tục);

b) Xây dựng thiết chế và phong trào văn hóa, thể thao cơ sở;

c) Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa nông thôn;

d) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

2. Danh hiệu “Phường, thị trấn tiêu biểu” để tặng cho phường, thị trấn thuộc quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Quản lý, xây dựng đô thị theo quy hoạch;

b) Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình tiêu biểu, tổ dân phố tiêu biểu (có 70% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình tiêu biểu” 03 năm liên tục);

c) Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị

d) Xây dựng thiết chế và phong trào văn hóa, thể thao cơ sở;

đ) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

Điều 31. Các danh hiệu thi đua khác

1. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

2. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp

luật về giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành, tổ chức quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục quy định.

3. Việc quy định các danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tại các khoản 1 và 2 của Điều này phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1.

HUÂN CHƯƠNG

Điều 32. Huân chương

Huân chương gồm:

1. “Huân chương Sao vàng”;
2. “Huân chương Hồ Chí Minh”;
3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
4. “Huân chương Quân công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
5. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
6. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
7. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
8. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”;
9. “Huân chương Dũng cảm”;
10. “Huân chương Hữu nghị”;
11. “Huân chương Vì cộng đồng”.

Điều 33. “Huân chương Sao vàng”

1. “Huân chương Sao vàng” là Huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

3. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh”, 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai thì thời gian và tiêu chuẩn để đề nghị tặng thưởng Huân chương Sao vàng được tính từ khi được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh lần hai.

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

4. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.

5. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho tập thể nước ngoài có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước Việt Nam.

Điều 34. “Huân chương Hồ Chí Minh”

1. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất và 15 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Tập thể được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ nhất, sau đó được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất, thì thời gian đề nghị tặng Huân chương Hồ Chí Minh (lần thứ 2) là 10 năm kể từ ngày được tặng Huân chương Độc lập hạng nhất.

3. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho người nước ngoài, có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc đối với đất nước Việt Nam.

4. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho tập thể nước ngoài có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc đối với đất nước Việt Nam.

Điều 35. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 40 năm trở lên.

3. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 36. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể hoặc lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen bộ, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 35 năm trở lên.

3. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 37. “Huân chương Độc lập” hạng Ba

1. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể hoặc lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

3. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam, bộ, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 38. “Huân chương Quân công” hạng Nhất

1. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quốc.

2. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 40 năm trở lên.

Điều 39. “Huân chương Quân công” hạng Nhì

1. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 35 năm trở lên.

Điều 40. “Huân chương Quân công” hạng Ba

1. “Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

2. “Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

Điều 41. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó đã được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc có 05 lần được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi

ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

d) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 04 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại giá trị cao được bộ, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

d) Doanh nhân lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, đóng góp quan trọng và sự phát triển của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

c) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng nêu gương trong toàn quốc.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể, cá nhân nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận, đề nghị.

Điều 42. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp

theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh hoặc có 04 lần được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao ở khu vực;

c) Có quá trình công hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại giá trị cao được cấp bộ, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi bộ, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

d) Doanh nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của bộ, ngành, tỉnh được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh;

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể, cá nhân nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 43. “Huân chương Lao động” hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ hoặc có 03 lần được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do các bộ, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực bộ, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao ở khu vực .

d) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 02 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh và được cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh công nhận, có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi bộ, ngành, tỉnh hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

d) Doanh nhân lập được thành tích xuất sắc, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của huyện và tương đương hoặc của ngành, lĩnh vực được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh và 01 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc bộ, ngành, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên;

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh;

4. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể, cá nhân nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bộ, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 44. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó đã được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm đặc biệt xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

3. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và được phổ biến học tập nêu gương hai lần trong hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến toàn quốc được Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

Điều 45. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được

Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ.

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và được phổ biến, học tập, nêu gương 02 lần trong hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân, được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

Điều 46. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ.

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp bộ, ngành, tỉnh về quốc phòng, an ninh, được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương và được phổ biến học tập nêu gương trong hội nghị biểu

dương điển hình tiên tiến của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua và 01 lần được Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

Điều 47. “Huân chương Chiến công”

“Huân chương Chiến công” hạng Nhất

1. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc không sợ hy sinh tính mạng, kiên quyết đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

“Huân chương Chiến công” hạng Nhì

1. “Huân chương Chiến công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ngành, tỉnh được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác

dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ngành, tỉnh, được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Nhì để tặng cho tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ngành, tỉnh được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ngành, tỉnh được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

“Huân chương Chiến công” hạng Ba

1. “Huân chương Chiến công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Ba để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 48. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

“Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc trong việc vận động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Điều 49. “Huân chương Dũng cảm”

“Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân khi gặp hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn, thảm họa; dũng cảm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của công dân trước tội phạm hoặc dũng cảm xung phong vào những nơi nguy hiểm do dịch bệnh gây ra nhằm bảo vệ tính mạng của nhân dân; thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong phạm vi bộ, ngành, tỉnh.

2. Đã hy sinh anh dũng trong khi cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân, được nhân dân kính phục, nêu gương, học tập.

Điều 50. “Huân chương Vì cộng đồng”

“Huân chương Vì cộng đồng” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp tiền, tài sản, đất đai có giá trị lớn được bộ, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 51. “Huân chương Hữu nghị”

“Huân chương Hữu nghị” tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tập thể người nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

1. “Huân chương Hữu nghị” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tổ chức nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

2. “Huân chương Hữu nghị” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tổ chức nước ngoài có nhiều đóng góp tích cực trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

3. “Huân chương Hữu nghị” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tổ chức nước ngoài có đóng góp tích cực trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Mục 2.

HUY CHƯƠNG

Điều 52. Huy chương

1. Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian cống hiến, đóng góp và người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2. Huy chương gồm:

- a) “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”;
- b) “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”;
- c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- d) “Huy chương Hữu nghị”.

3. Hình thức các loại, hạng huy chương được phân biệt bằng màu sắc, số vạch trên dải và cuống huy chương.

Điều 53. Tiêu chuẩn “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”

“Huy chương Quân kỳ quyết thắng” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 54. Tiêu chuẩn “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”

“Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 55. Tiêu chuẩn “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”

1. “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

- a) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 20 năm trở lên;

b) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến liên tục từ 15 năm đến dưới 20 năm;

c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm.

3. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ quy định.

Điều 56. Tiêu chuẩn “Huy chương Hữu nghị”

“Huy chương Hữu nghị” để tặng cho người nước ngoài có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Mục 3.

DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC

Điều 57. Danh hiệu Vinh dự nhà nước

1. Danh hiệu vinh dự nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”;

b) “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”;

c) “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

d) “Anh hùng Lao động”;

đ) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;

e) “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

g) “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

h) “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Điều 58. Danh hiệu “Tinh anh hùng”, “Thành phố anh hùng”

Danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng” để tặng cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Năng động, sáng tạo, xứng đáng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

3. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đoàn kết, trong sạch, vững mạnh.

Điều 59. Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”

Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Việc xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” thực hiện theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 60. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”

1. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có hành động anh hùng, dũng cảm, mưu trí, hy sinh quên mình, đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu, trong giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, được nêu gương trong toàn quốc;

b) Có sáng kiến, giải pháp hoặc công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, an ninh hoặc kinh tế - xã hội đem lại hiệu quả thiết thực trong toàn quốc;

c) Có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng đội;

d) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, là ngọn cờ tiêu biểu trong phong trào thi đua, có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành;

c) Dẫn đầu toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác;

d) Dẫn đầu trong việc bồi dưỡng, đào tạo về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho cán bộ, chiến sỹ; quản lý tốt vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật, an toàn tuyệt đối về người và tài sản;

đ) Dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu chấp hành kỷ luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác, giúp đỡ và đoàn kết quân dân, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, được nhân dân địa phương tin yêu, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 61. Danh hiệu “Anh hùng Lao động”

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

c) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, giải pháp, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

d) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Là tập thể tiêu biểu dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

c) Dẫn đầu toàn quốc trong việc đổi mới công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và bảo vệ môi trường sinh thái;

d) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

đ) Dẫn đầu trong việc triển khai và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được nhân dân địa phương ca ngợi; tập thể đoàn kết, nhất trí; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 62. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” gồm nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” từ 05 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

3. Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

4. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

Điều 63. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh, kỹ thuật

viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế.

2. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” từ 05 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học kỹ thuật về y tế, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

3. Danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được nhân dân, người bệnh và đồng nghiệp tín nhiệm;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

4. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 64. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, biên tập viên hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

2. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” từ 05 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống

hiên cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 15 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước;

d) Sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tiếp tục được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

3. Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng hoặc truy tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 10 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

4. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Điều 65. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”

1. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” từ 05 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

3. Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

4. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Mục 4.

“GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH”, “GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC”

Điều 66. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đã được công bố, sử dụng kể từ ngày thành lập Nước, bao gồm:

a) Công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, sách giáo khoa, giáo trình sử dụng trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác;

b) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước” được tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”.

Điều 67. Tiêu chuẩn “Giải thưởng Hồ Chí Minh”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét và công bố 5 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

Điều 68. Tiêu chuẩn “Giải thưởng Nhà nước”

1. “Giải thưởng nhà nước” được xét tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội theo tiêu chuẩn sau:

a) Các công trình nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội;

b) Những sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

2. “Giải thưởng nhà nước” được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

Mục 5.

KỶ NIỆM CHƯƠNG, HUY HIỆU

Điều 69. Kỷ niệm chương

Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Tên Kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương do bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội qui định. Kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 70. Huy hiệu

Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Huy hiệu phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Mục 6.

BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 71. Bằng khen

1. Bằng khen để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Bằng khen gồm:

a) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

b) Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh;

c) Bằng khen cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;

3. Việc khen thưởng hình thức bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

Điều 72. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc 02 lần được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Lập được thành tích đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh hoặc lập được thành tích đột xuất, được giải thưởng cao ở khu vực;

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

d) Doanh nhân lập được nhiều thành tích, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của huyện và tương đương hoặc của ngành, lĩnh vực cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

d) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 05 năm tiếp theo trở

lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Điều 73. Bằng khen của cấp bộ, ngành, tỉnh

Bằng khen của cấp bộ, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân, tập thể, gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều thành tích trong các phong trào thi đua và thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao. Tiêu chuẩn cụ thể do các bộ, ngành, tỉnh quy định và phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 74. Bằng khen cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Tiêu chuẩn Bằng khen cấp Tổng cục và tương đương do bộ, ngành quy định; tiêu chuẩn Bằng khen Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh do Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh quy định. Tiêu chuẩn Bằng khen của Tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập do bộ, ngành chủ quản quy định.

Điều 75. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các bộ, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể tặng Giấy khen đối với tập thể, cá nhân, gia đình.

4. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

5. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc

dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

6. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen của các tổ chức khác do Chính phủ quy định.

Chương IV.

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Mục 1.

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG

Điều 76. Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước

Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

Điều 77. Thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 78. Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 79. Thẩm quyền của cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh; thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và giấy khen.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu; “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu” (hoặc danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa; “Xã văn hóa”, “Phường, thị trấn văn hóa.”

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình tiêu biểu”(hoặc “Gia đình văn hóa”).

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và giấy khen.

Điều 80. Thẩm quyền trao tặng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua trực tiếp trao tặng hoặc uỷ quyền trao tặng.

2. Đại sứ hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được uỷ quyền trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước Việt Nam cho tập thể, cá nhân ở nước sở tại.

Điều 81. Nghi lễ trao tặng

Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Chính phủ quy định.

Mục 2.

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Điều 82. Thẩm quyền và thủ tục đề nghị khen thưởng.

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trình khen thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước cho đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Người đứng đầu chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng của cấp mình và việc trình cấp trên khen thưởng; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động ở các thành phần kinh tế để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan chức năng về thi đua, khen thưởng các cấp tiếp nhận, xem xét hồ sơ, chịu trách nhiệm thẩm định quy trình, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

6. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

7. Chính phủ quy định việc tổ chức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho cá nhân, tổ chức.

Điều 83. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua 01 bộ bản chính, gồm:

a) Văn bản đề nghị tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng 01 bộ bản chính, gồm:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

3. Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và giải thưởng nhà nước.

5. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được lưu trữ theo quy định của pháp luật tại cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

6. Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

7. Chính phủ quy định thủ tục, quy trình, thời gian xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Điều 84. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản hoặc được giải thưởng ở khu vực hoặc thế giới do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Khen thưởng cống hiến, khen thưởng đối ngoại.

2. Việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản do Chính phủ quy định.

Chương V.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ TRONG THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 85. Quyền của cá nhân, tập thể

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được góp ý, phản ánh, kiến nghị hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị cấp có thẩm quyền không khen thưởng hoặc thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng, truy tặng không đúng tiêu

chuẩn, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

4. Cá nhân, tập thể được khen thưởng theo quy định của Luật này, tùy từng mức độ khen thưởng, được tặng hiện vật khen thưởng và được hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

5. Cá nhân bị xét xử oan, sai và đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

6. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, cấp đổi, cấp lại và được sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

7. Thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; thủ tục phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước do Chính phủ quy định.

Điều 86. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Giữ vững thành tích đã đạt được, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm cho đơn vị học tập, noi theo; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.

Chương VI.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 87. Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

1. Ban hành các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng.

5. Sơ kết, tổng kết, tặng thưởng các hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

6. Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng.

7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thi đua, khen thưởng, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng.

Điều 88. Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trung ương và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước;

b) Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định phong tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng lựa chọn tập thể, cá nhân để đề nghị khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan chuyên trách thi đua, khen thưởng ở Trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về công tác thi đua,

khen thưởng.

6. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng do Chính phủ quy định.

Điều 90. Quỹ Thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành trên cơ sở ngân sách nhà nước, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 91. Hiện vật khen thưởng

Chính phủ quy định mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu; chất liệu, kích thước, khung các loại huân chương, huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các hiện vật khen thưởng khác.

Chương VII.

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 92. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

a) Gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng;

b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho mình hoặc cho người khác để đề nghị khen thưởng;

c) Thẩm định, xét, duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định;

d) Lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật;

đ) Vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên.

2. Việc hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, hiện vật và tiền thưởng do Chính phủ quy định.

Điều 93. Tước danh hiệu

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị tước danh hiệu do Chính phủ quy định.

Điều 94. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 95. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng.....năm...

Điều 96. Quy định chi tiết thi hành

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này./.